

Vốn tín dụng ngân hàng cho nền kinh tế giai đoạn hậu kích cầu

TS. NGUYỄN VĂN LÂM

Các giải pháp tài chính - tiền tệ được thực hiện từ đầu năm 2009, theo chỉ đạo của Chính phủ nhằm kích cầu đầu tư và tiêu dùng, chống suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng bền vững, bảo đảm an sinh xã hội đã đi được hơn một nửa chặng đường. Hiện, một số chính sách đang đi vào giai đoạn chuẩn bị kết thúc. Gói kích thích kinh tế của Chính phủ đang triển khai trị giá 150.000 tỷ đồng, tương đương khoảng 8 tỷ USD; bao gồm hỗ trợ lãi suất vay vốn NHTM và TCTD trị giá 17.000 tỷ đồng với dư nợ dự kiến khoảng 450.000 tỷ đồng đến hơn 600.000 tỷ đồng (tùy theo cách tính thời hạn cho vay); chuyển kế hoạch đầu tư vốn của năm 2008 sang năm 2009 là 30.200 tỷ đồng; phát hành bổ sung Trái phiếu Chính phủ là 20.000 tỷ đồng; thực hiện chính sách miễn giảm thuế là 28.000 tỷ đồng; tăng dư nợ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp Ngân hàng phát triển bảo lãnh là 17.000 tỷ đồng và một số khoản chi kích cầu khác,... Trong số đó chính sách cho vay hỗ trợ lãi suất đã thực hiện được quy mô lớn nhất và chính sách miễn giảm thuế thu nhập cá nhân,... đã kết thúc vào cuối tháng 6/2009; việc giảm thuế trước bạ đăng ký xe ô tô cũng sẽ kết thúc vào cuối năm nay.

Về kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất. Đây là giải pháp lớn nhất, tác động mạnh nhất và thu hút được sự quan tâm lớn nhất của dư luận. Giải pháp này nhằm hỗ trợ 4%/năm lãi suất cho khách hàng vay vốn nội tệ đầu tư sản xuất kinh doanh tại các Ngân hàng thương mại và Công ty tài chính, đến nay đã đạt được quy mô khá.

Về mặt tổng thể, theo tính toán của cơ

quan chức năng, đến nay tổng dư nợ cho vay kích cầu đã đạt 81,5% kế hoạch dự kiến và như đã nói ở trên đang tăng trưởng rất chậm. Nguyên nhân có nhiều lý do, chủ yếu là các đối tượng được vay đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì đã được vay rồi, hiện vẫn đang dư nợ nên không được vay tiếp. Hộ nông dân, các đối tượng khác ở nông thôn,... có nhu cầu lớn nhưng không được vay, cũng chủ yếu do thủ tục và một số nhân tố khác.

Về mặt thời gian, gói kích cầu này cũng chỉ thực hiện trong vài tháng tới và kết thúc vào tháng 12/2009. Quan điểm của tác giả bài viết là Chính phủ nên có gói kích cầu thứ hai, quy mô nhỏ hơn gói kích cầu thứ nhất và mức độ hỗ trợ cũng thấp hơn để doanh nghiệp, hộ sản xuất không "bị sốc" khi đợt ngọt quay trở lại vay vốn với lãi suất bình thường. Mức hỗ trợ lãi suất được đề nghị là 2%/năm thay vì 4%/năm như gói kích cầu thứ nhất. Đối tượng được vay cũng nên thu hẹp, hơn chủ yếu là hộ nông dân, doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động và sử dụng nhiều nguyên liệu trong nước.

Về tổng thể hoạt động tín dụng ngân hàng đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế. Cùng với thực hiện gói hỗ trợ lãi suất thì các NHTM và Tổ chức tín dụng (TCTD) trong cả nước vẫn đẩy mạnh huy động vốn, cho vay vốn theo lãi suất thông thường phục vụ sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và lĩnh vực khác.

Tuy nhiên theo số liệu công bố của Ngân hàng Nhà nước, tăng trưởng dư nợ cho vay nói chung của các NHTM và TCTD đối với nền kinh tế hai tháng gần đây có xu hướng chậm lại rõ rệt. Mức tăng của tháng 7/2009 là 2,15% và của tháng 8-2009 là 1,75%. Nếu làm các phép tính cộng đơn thuần thì đến hết tháng 8-2009 tổng dư nợ cho vay tăng 20,91% so với cuối năm 2008. Tuy nhiên, theo nguồn thông tin khác đã công bố thì đến hết tháng 8-2009 tổng dư nợ cho vay đã tăng



24,51%, như vậy, theo định hướng mới đây dự kiến tăng 30% thì trong 4 tháng còn lại của năm 2009 chỉ được tăng có 5,49%, tức là bình quân mỗi tháng được tăng có 1,3%. Đây là chỉ tiêu khó đạt được nếu như theo thông lệ tín dụng thường tăng trưởng cao vào những tháng cuối năm do nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh, cho hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh và hợp đồng ký kết cho cả năm, cho sản xuất và dự trữ hàng hoá phục vụ cho đầu năm mới và Tết Nguyên đán.

Song nếu xét theo tiến độ giải ngân vốn cho vay hỗ trợ lãi suất đang chậm lại rõ rệt và dư nợ cho vay hỗ trợ lãi suất mới chỉ chiếm 81,5% gói kích cầu thì để không chế được mức tăng nói trên dưới 30%.

Mặt khác, vốn huy động của các NHTM cũng đang khó khăn, mặc dù lãi suất tiền gửi thường xuyên được điều chỉnh tăng, các NHTM cạnh tranh tăng lãi suất tất cả các kỳ hạn gửi tiền, đưa ra nhiều kỳ hạn và hình thức linh hoạt cho người gửi tiền để chấp nhận, kèm theo các biện pháp khuyến mãi và tặng quà hấp dẫn khác,... nhưng vốn lưu động vẫn tăng chậm và tăng chậm hơn dư nợ cho vay. Cũng theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước, đến hết tháng 8/2009 tăng 21,8% so với cuối năm 2008, tức là bình quân tăng gần 2,8%, nhưng riêng tháng 8-2009 chỉ tăng có 1,6%. Như vậy nếu không huy động được vốn thì khó mà mở rộng cho vay bởi vì chắc



chấn Ngân hàng Nhà nước không tăng cung ứng tiền và các nghiệp vụ khác cho các NHTM mở rộng tín dụng. Còn giải pháp cứ chạy đua tăng lãi suất tiền gửi để kỳ vọng tăng huy động vốn thì không có hiệu quả. Cũng theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước đến hết tháng 8-2009, mức tăng tổng phương tiện thanh toán là 20,83%; trong đó tiền mặt lưu thông ngoài hệ thống ngân hàng tăng 15,24%.

Như vậy, về cả hai góc độ, thực hiện giai đoạn cuối gói hỗ trợ lãi suất thứ nhất và vốn tín dụng bình thường đối với nền kinh tế đang đặt ra thách thức lớn để đạt được mục tiêu tăng trưởng GDP như Chính phủ đề ra cho cả năm 2009 là 5% và năm 2010 là 6,5%. Bởi vì về tác động chính sách thường có độ trễ, ít ra là 6 tháng, tức là vốn đầu tư thời kỳ này, nhưng tăng trưởng mới thấy ở thời kỳ sau. Trong khi đó chỉ số CPI 8 tháng đầu năm 2009 là 3,47% và nếu không có gì đột biến của thị trường thế giới cũng như trong nước thì cả năm 2009 sẽ khó vượt qua mức 7%, mức dự kiến phấn đấu cho năm 2010 cũng là 7% hiện nay vẫn trong tầm kiểm soát.

Bởi vậy giải pháp đề xuất là, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ nới lỏng, linh hoạt, có kiểm soát chặt chẽ, không nên khống chế tăng trưởng dư nợ năm 2009 là 27% hay 30% mà tùy thuộc vào khả năng huy động vốn, khả năng đáp ứng của

NHTM và khả năng đảm bảo cho vay an toàn, hiệu quả. Tăng trưởng dư nợ bao nhiêu tùy thuộc vào nhu cầu vốn đầu tư cho sản xuất kinh doanh của cả doanh nghiệp và hộ sản xuất. Tất nhiên phải kiểm soát chặt chẽ vốn chạy sang thị trường bất động sản và kinh doanh chứng khoán.

Ngân hàng Nhà nước nên điều hành tỷ giá linh hoạt nhưng ổn định tương đối, kiên trì mục tiêu không phá giá nội tệ. Bởi vì việc ổn định tỷ giá thời gian gần đây đã bắt đầu tác động tích cực đến thị trường ngoại tệ và quản lý ngoại hối.

Trong 2 tháng gần đây vốn ngoại tệ trong các NHTM đang có xu hướng biến động trái chiều, nhu cầu vay ngoại tệ có xu hướng tăng còn nhu cầu gửi ngoại tệ thì có xu hướng giảm. Dư nợ cho vay ngoại tệ tháng 7-2009 tăng 1,2% và tháng 8-2009 tăng 1,52%; trong khi đó số dư vốn huy động ngoại tệ tháng 8-2009 tăng 1,04%. Điều này cho thấy doanh nghiệp có xu hướng thích vay ngoại tệ còn người dân giảm xu hướng chuyển đổi từ Đồng Việt Nam sang USD để gửi NHTM.

Một tác động đặc biệt quan trọng khác đó là nếu phá giá nội tệ hay điều hành luôn theo hướng tăng nhẹ tỷ giá VNĐ/USD sẽ tạo tâm lý đầu cơ, găm giữ ngoại tệ và xu hướng chuyển đổi từ Đồng Việt Nam sang USD, làm gia tăng thêm tình trạng đó là hóa nền kinh tế. Bởi vì người có ngoại tệ, các doanh nghiệp có ngoại tệ luôn có kỳ vọng tỷ giá VNĐ/USD sẽ tăng lên, nên găm giữ ngoại tệ trên tài khoản không bán cho NHTM, gây khó khăn cho đảm bảo cung cầu ngoại tệ và điều hành tỷ giá. Người dân được nhận kiều hối hay các khoản thu nhập khác bằng ngoại tệ cũng giữ ngoại tệ. Nhiều người khác thì chuyển đổi từ tiền gửi nội tệ sang tiền gửi ngoại tệ, mặc dù lãi suất tiền gửi USD thấp hơn, chỉ khoảng 2,5 - 3,0%/năm, nhưng bù lại tỷ giá tăng, chỉ tính riêng trong 8 tháng đầu năm 2009 đã tăng tới 6,36%, tính ra tương đương với lãi suất gửi VNĐ, nhưng lại chắc "ăn" hơn vì không lo sợ bị mất giá.

Việc phá giá nội tệ hay tăng tỷ giá nội tệ tạo tâm lý ỷ lại của doanh nghiệp xuất khẩu không tích cực đầu tư đổi mới công nghệ, đổi mới máy móc thiết bị vì trông chờ tỷ giá tăng và cũng do tỷ giá tăng làm cho việc đầu tư máy móc thiết bị hiện đại nhập khẩu trở nên đắt hơn, phát sinh nhiều chi phí hơn và lo rủi ro tỷ giá biến động.

Trong thực tế, từ đầu năm 2009 đến nay tuy không tuyên bố phá giá nội tệ, nhưng tỷ giá diễn biến trên thị trường cũng theo hướng tăng, nhưng không có tác động gì tới kích

thích tăng kim ngạch xuất khẩu. Cũng theo số liệu của Tổng cục Thống kê, bình quân 8 tháng đầu năm 2009 tỷ giá VNĐ/USD tăng 9,02% so với cùng kỳ năm 2008. Còn nếu tính riêng tỷ giá tháng 8-2009 so với tháng 12-2008 tỷ giá VNĐ/USD tăng tới 6,36%. Tuy nhiên kim ngạch xuất khẩu trong 8 tháng đầu

năm 2009 của cả nước chỉ đạt 37,3 tỷ USD, giảm tới 14,3% so với cùng kỳ năm 2008.

Cùng với tỷ giá Ngân hàng Nhà nước nên ổn định lãi suất, cũng như tùy theo tín hiệu của thị trường tiền tệ mà đảm bảo mức cung ứng tiền, mức tăng tổng phương tiện thanh toán trong điều hành chính sách tiền tệ theo hướng loại bỏ các biện pháp hành chính trong quản lý và can thiệp hoạt động của NHTM ■

...Ngân hàng Nhà nước nên điều hành tỷ giá linh hoạt nhưng ổn định tương đối, kiên trì mục tiêu không phá giá nội tệ. Bởi vì việc ổn định tỷ giá thời gian gần đây đã bắt đầu tác động tích cực đến thị trường ngoại tệ và quản lý ngoại hối...